

Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020
đến ngày 30/06/2020

(Đã được soát xét)

MCC

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa, theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 06 năm 2020.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp; Lập dự án, thẩm tra thiết kế các công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Anh Tài	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/03/2020
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/03/2020
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	
Bà Trâm Thị Cẩm Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/06/2020
Ông Lê Minh Châu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên	
Ông Phạm Khương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2020

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trâm Thị Cẩm Vân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/06/2020
Ông Phạm Khương Thảo	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/06/2020
Ông Trần Công Lễ	Phó Giám đốc	
Ông Trương Tấn Quốc	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Khánh Trùng Dương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- ▶ Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- ▶ Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Phạm Khương Thảo
Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Số: 200720.017/BCTC.FIS1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được lập ngày 20/07/2020, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bán niên bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 18 về diện tích đất Công ty đang sử dụng tại 95 Phạm Hữu Chí, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng giao dịch khách hàng là diện tích đất do UBND thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) quản lý. Hiện tại, Tổng Công ty và Công ty chưa thống nhất phương án cho thuê lại diện tích đất này và cơ sở hạ tầng trên đất nên các chi phí có liên quan chưa được phản ánh trong báo cáo tài chính của Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH
Hàng kiểm toán AASC**



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		71.565.823.910	86.377.845.192
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	4.331.386.399	8.925.086.547
111	1. Tiền		4.331.386.399	898.872.847
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	8.026.213.700
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	14.000.000.000	24.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.000.000.000	24.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.601.806.603	39.090.089.801
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.408.645.776	35.134.957.629
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.609.975.365	533.922.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.583.185.462	3.421.210.172
140	IV. Hàng tồn kho		35.270.655.409	13.649.385.342
141	1. Hàng tồn kho	8	35.270.655.409	13.649.385.342
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.361.975.499	713.283.502
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	7.315.571.213	549.504.000
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	46.404.286	163.779.502
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.736.877.918	6.961.061.539
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	40.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	40.000.000
220	II. Tài sản cố định	12	13.090.924.068	6.388.620.475
221	1. Tài sản cố định hữu hình		9.836.584.061	3.055.102.614
222	- Nguyên giá		22.626.077.660	15.693.852.260
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.789.493.599)	(12.638.749.646)
227	2. Tài sản cố định vô hình		3.254.340.007	3.333.517.861
228	- Nguyên giá		4.982.504.000	4.538.124.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.728.163.993)	(1.204.606.139)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		645.953.850	532.441.064
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	579.270.354	465.757.568
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	66.683.496	66.683.496
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		85.302.701.828	93.338.906.731

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		32.360.988.510	38.250.401.319
310	I. Nợ ngắn hạn		32.360.988.510	38.250.401.319
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	17.247.071.681	19.034.192.262
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	3.630.490.196	1.104.185.150
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	282.169.129	3.290.896.460
314	4. Phải trả người lao động	11	7.277.647.014	14.135.360.302
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.956.354.029	375.482.744
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	967.256.461	310.284.401
400	B. NGUỒN VỐN		52.941.713.318	55.088.505.412
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	52.941.713.318	55.088.505.412
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.553.000	93.553.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(27.200.000)	(27.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		890.103.360	710.299.076
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.985.256.958	4.311.853.336
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.985.256.958	4.311.853.336
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		85.302.701.828	93.338.906.731



Phạm Khương Thảo
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang
Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020 VND	đến 30/06/2019 VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	19	44.598.197.398	45.049.419.924
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		44.598.197.398	45.049.419.924
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	20	31.992.318.616	35.310.397.816
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		12.605.878.782	9.739.022.108
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		784.807.690	896.859.483
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	10.981.743.053	8.298.157.594
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.408.943.419	2.337.723.997
31	11. Thu nhập khác	22	144.512.076	178.763.728
32	12. Chi phí khác	23	11.662.075	88.137.272
40	13. Lợi nhuận khác		132.850.001	90.626.456
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.541.793.420	2.428.350.453
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	556.536.462	650.180.896
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.985.256.958</u>	<u>1.778.169.557</u>
70	18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	25	397	356



Phạm Khương Thảo
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang
Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.541.793.420	2.428.350.453
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.510.167.732	783.200.916
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(786.049.251)	(896.859.483)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.265.911.901	2.314.691.886
09	Giảm các khoản phải thu		28.275.423.060	37.977.082.622
10	(Tăng) hàng tồn kho		(21.621.270.067)	(11.465.738.985)
11	(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(8.836.442.655)	(10.651.375.872)
12	(Tăng) chi phí trả trước		(6.879.579.999)	(2.363.408.598)
15	Thuế TNDN đã nộp		(872.706.176)	(1.102.153.638)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(876.116.992)	(659.651.468)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.544.780.928)	14.049.445.947
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.212.471.325)	(1.654.155.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		1.241.561	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(20.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	19.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.155.043.044	1.350.467.171
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.943.813.280	(1.303.687.829)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	Cổ tức, lợi nhuận đã thu/(chi) cho chủ sở hữu		7.267.500	(2.499.190.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.267.500	(2.499.190.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.593.700.148)	10.246.568.118
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	8.925.086.547	3.546.075.330
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	4.331.386.399	13.792.643.448



Phạm Khương Thảo
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang
Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa, theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 06 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 8 ngày 24/06/2020 là 50.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp; xây dựng cấp nước, thiết kế xây dựng công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; lập dự án, thẩm tra thiết kế các công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trụ sở chính của Công ty tại số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đúng theo mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
▶ Phương tiện vận tải	05 - 10 năm

- | | |
|--------------------|-------------|
| ▶ Thiết bị quản lý | 03 - 10 năm |
| ▶ Phần mềm quản lý | 03 - 08 năm |

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê.

Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí phục vụ hoạt động lắp đặt, di dời hệ thống cấp nước được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong kỳ tài chính hiện hành (thuế suất 20% đối với thu nhập chịu thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020).

2.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Thông tin bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH.MTV, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	45.905.862	12.671.486
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.285.480.537	886.201.361
Các khoản tương đương tiền	-	8.026.213.700
	4.331.386.399	8.925.086.547

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tại thời điểm 30/06/2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn trong vòng 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn, lãi suất từ 6,7 – 7,5%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan - Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (Thuyết minh 30)	4.262.523.472	34.957.978.762
Bên thứ ba	146.122.304	176.978.867
	4.408.645.776	35.134.957.629

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH TV ĐT XD Tân Phước Long	-	59.415.000
Công ty TNHH Thương Mại - Phần Mềm Trí Thức	-	155.720.000
Công ty TNHH TM-ĐT-XD Hưng An	-	318.787.000
Bệnh viện Nguyễn Trí Phương	693.173.000	-
Công ty TNHH May thêu giày An Phước	820.246.365	-
Hộ kinh doanh Liên Hoa	89.100.000	-
Khác	7.456.000	-
	1.609.975.365	533.922.000

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020**7. Phải thu khác**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
VAT đầu vào chưa kê khai	3.794.918.740	2.395.563.907
Phải thu thuế TNCN	-	34.859.943
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	467.594.523	837.829.877
Tạm ứng	280.672.199	97.417.599
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-
Khác	-	55.538.846
	4.583.185.462	3.421.210.172
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	-	40.000.000
	-	40.000.000

8. Hàng tồn kho

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hàng tồn kho		
Nguyên liệu vật liệu	11.213.585.780	12.110.509.746
Công cụ, dụng cụ	1.413.134.312	41.187.938
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	22.643.935.317	1.497.687.658
	35.270.655.409	13.649.385.342
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn (**)	66.683.496	66.683.496

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại 30/06/2020 bao gồm chi phí gắn, thay đồng hồ nước, chi phí dịch vụ giảm thất thoát nước ... đã thực hiện cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và đang chờ nghiệm thu.

(**) Thiết bị vật tư dùng để dự phòng sửa chữa hệ thống cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý.

9. Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.073.941.475	-
Phí bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ	2.424.984.738	549.504.000
Chi phí nghỉ mát	1.621.000.000	-
Chi phí đồng phục	1.194.445.000	-
Khác	1.200.000	-
	7.315.571.213	549.504.000
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	-	17.250.868
Chi phí phần mềm máy tính	574.906.667	443.339.774
Khác	4.363.687	5.166.926
	579.270.354	465.757.568

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khách hàng sử dụng dịch vụ giảm thất thoát nước	2.277.853.960	-
Khách hàng lắp đặt, di dời, bồi thường đồng hồ nước	139.968.236	21.112.150
Khách hàng xử lý giao cắt, sửa chữa nâng cấp tuyến ống	1.155.873.000	1.063.804.000
Khách hàng thực hiện dịch vụ khác	56.795.000	19.269.000
	3.630.490.196	1.104.185.150
Trong đó, bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh 30)	2.277.853.960	-

11. Phải trả người lao động

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả người lao động	7.020.289.184	12.982.508.152
Phải trả cán bộ quản lý	257.357.830	1.152.852.150
	7.277.647.014	14.135.360.302

12. Tài sản cố định

	TSCĐ vô hình			TSCĐ hữu hình		Tổng VND
	Phần mềm máy tính VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	4.538.124.000	612.250.160	3.907.264.170	7.155.375.410	4.018.962.520	15.693.852.260
Mua trong năm (*)	666.880.000	-	5.143.554.400	-	2.409.659.000	7.553.213.400
Nhượng bán	(222.500.000)	-	(316.468.000)	-	(304.520.000)	(620.988.000)
Tại ngày 30/06/2020	4.982.504.000	612.250.160	8.734.350.570	7.155.375.410	6.124.101.520	22.626.077.660
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	1.204.606.139	612.250.160	3.593.119.724	6.547.707.452	1.885.672.310	12.638.749.646
Khấu hao trong kỳ	746.057.854	-	198.993.845	227.429.712	337.686.321	764.109.878
Nhượng bán	(222.500.000)	-	(316.468.000)	-	(296.897.925)	(613.365.925)
Tại ngày 30/06/2020	1.728.163.993	612.250.160	3.475.645.569	6.775.137.164	1.926.460.706	12.789.493.599
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	3.333.517.861	-	314.144.446	607.667.958	2.133.290.210	3.055.102.614
Tại ngày 30/06/2020	3.254.340.007	-	5.258.705.001	380.238.246	4.197.640.814	9.836.584.061

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.749.017.598 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 661.499.000 VND

(*) Trong năm, Công ty mua bổ sung: trạm quan trắc chất lượng nước sạch, cảm biến đo chất lượng nước, thiết bị dò tìm rò rỉ, máy phát điện, hệ thống máy chủ, hệ thống phần mềm quản lý, máy đọc chỉ số đồng hồ... với tổng nguyên giá TSCĐ hữu hình là 7.553.213.400 VND và nguyên giá TSCĐ vô hình là 666.880.000 VND.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo số dư lớn				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	16.810.938.800	16.810.938.800	13.241.535.600	13.241.535.600
Công ty TNHH TM DV XD Hương Quỳnh Châu	375.591.081	375.591.081	2.538.766.313	2.538.766.313
Khác	60.541.800	60.541.800	3.253.890.349	3.253.890.349
	17.247.071.681	17.247.071.681	19.034.192.262	19.034.192.262
Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 30)	16.810.938.800	16.810.938.800	13.241.535.600	13.241.535.600

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020		30/06/2020	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.705.313.426	4.775.003.045	2.082.445.428	-	12.755.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	585.583.034	872.706.176	556.536.462	-	269.413.320
Thuế thu nhập cá nhân	163.779.502	-	472.383.175	589.758.391	46.404.286	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	182.664.000	182.664.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	163.779.502	3.290.896.460	6.306.756.396	3.415.404.281	46.404.286	282.169.129

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Cổ tức (Thuyết minh 19a)	2.610.455.000	4.227.500
Phải trả Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV khoản thu hộ tiền nước	72.642.922	-
Kinh phí Đảng, Công đoàn	123.077.573	12.448.099
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.383.000	11.383.000
Phải trả thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	267.935.620
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.000.000	-
Khác	58.795.534	79.488.525
	2.956.354.029	375.482.744
Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 30)	1.762.642.922	-

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ khen thưởng công nhân viên	528.711.104	97.558.765
Quỹ phúc lợi	438.545.357	212.725.636
	967.256.461	310.284.401

S-
TY
HUU
-I TC
SC
I-T

17. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2019	50.000.000.000	93.553.000	548.051.832	(27.200.000)	3.888.550.449	54.502.955.281
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.778.169.557	1.778.169.557
Phân phối lợi nhuận	-	-	162.247.244	-	(3.888.550.449)	(3.726.303.205)
Tại ngày 30/06/2019	50.000.000.000	93.553.000	710.299.076	(27.200.000)	1.778.169.557	52.554.821.633
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	93.553.000	710.299.076	(27.200.000)	4.311.853.336	55.088.505.412
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	1.985.256.958	1.985.256.958
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	179.804.284	-	(4.311.853.336)	(4.132.049.052)
Tại ngày 30/06/2020	50.000.000.000	93.553.000	890.103.360	(27.200.000)	1.985.256.958	52.941.713.318

(*) Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức việc phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 001/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2020:

	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	4.311.853.336	100%
Trích Quỹ đầu tư phát triển	179.804.284	4,17%
Trích Quỹ khen thưởng	702.811.231	16,30%
Trích Quỹ phúc lợi	468.540.821	10,87%
Trích khen thưởng VCQL	361.737.000	8,39%
Chi trả cổ tức theo tỷ lệ 5% vốn điều lệ (Tương ứng mỗi cổ phiếu nhận 500 VND)	2.598.960.000	60,27%
	4.311.853.336	100%

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	32.500.000.000	65%	32.500.000.000	65%
Các cổ đông khác	17.500.000.000	35%	17.500.000.000	35%
	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.227.500	12.825.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	2.598.960.000	2.499.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	2.598.960.000	2.499.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	7.267.500	(2.499.190.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận đã thu/(chi) trên lợi nhuận năm trước</i>	7.267.500	(2.499.190.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	2.610.455.000	12.635.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu cổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000)	(2.000)
- <i>Cổ phiếu cổ thông</i>	(2.000)	(2.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.998.000	4.998.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.998.000	4.998.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

Tài sản thuê ngoài

Công ty đang sử dụng diện tích đất tại 95 Phạm Hữu Chí, Quận 5 làm trụ sở đăng ký kinh doanh và hoạt động. Đây là diện tích đất do UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) quản lý.

Hiện tại, Tổng Công ty và Công ty chưa thống nhất phương án cho thuê lại diện tích đất này và cơ sở hạ tầng trên đất nên các chi phí có liên quan (nếu có) chưa được phản ánh trong Báo cáo tài chính

19. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	2.064.731.669	3.282.570.061
Dịch vụ phân phối nước sạch	41.294.890.510	39.907.755.496
Doanh thu khác	1.238.575.219	1.859.094.367
	44.598.197.398	45.049.419.924
Trong đó, doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh 30)	41.302.811.183	40.071.111.445

20. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	1.546.432.274	2.941.832.015
Dịch vụ phân phối nước sạch	29.287.012.382	30.668.308.456
Khác	1.158.873.960	1.700.257.345
	31.992.318.616	35.310.397.816

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nhân công	4.340.143.806	2.801.825.963
Thuế phí và lệ phí	186.664.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.205.436.357	4.697.572.101
Trợ cấp mất việc làm	11.130.000	59.692.500
Chi phí bằng tiền khác	238.368.890	736.067.030
	10.981.743.053	8.298.157.594

22. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Kiểm định đồng hồ nước	1.584.545	-
Thanh lý TSCĐ	8.863.636	-
Phí đóng mở nước, bấm chì khóa góc	68.631.739	160.210.624
Khác	65.432.156	18.553.104
	144.512.076	178.763.728

23. Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Kiểm định đồng hồ nước	3.740.000	3.900.000
Thanh lý TSCĐ	7.622.075	-
Thẩm định giá và đấu giá tài sản	-	25.454.545
Phí đóng mở nước, bấm chìa khóa góc	-	58.782.727
Khác	300.000	-
	11.662.075	88.137.272

24. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.541.793.420	2.428.350.453
Các khoản điều chỉnh		
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	240.888.890	822.554.032
Thu nhập chịu thuế	2.782.682.310	3.250.904.485
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	556.536.462	650.180.896

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.985.256.958	1.778.169.557
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.985.256.958	1.778.169.557
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.998.000	4.998.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	397	356

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.009.747.154	12.990.607.741
Nhân công	28.407.487.483	30.139.414.095
Khấu hao tài sản cố định	1.510.167.732	783.200.916
Dịch vụ mua ngoài	12.954.538.069	5.498.233.631
Khác bằng tiền	238.368.890	3.689.499.104
	64.120.309.328	53.100.955.487

27. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.331.386.399	-	8.925.086.547	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.991.831.238	-	38.596.167.801	-
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	14.000.000.000	-	24.000.000.000	-
	27.323.217.637	-	71.521.254.348	-
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			20.203.425.710	19.409.675.006
			20.203.425.710	19.409.675.006

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty là rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.331.386.399	-	4.331.386.399
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.991.831.238	-	8.991.831.238
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	14.000.000.000	-	14.000.000.000
	27.323.217.637	-	27.323.217.637
01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.925.086.547	-	8.925.086.547
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.556.167.801	40.000.000	38.596.167.801
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	24.000.000.000	-	24.000.000.000
	71.481.254.348	40.000.000	71.521.254.348

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2019			
Phải trả người bán, phải trả khác	20.203.425.710	-	20.203.425.710
	20.203.425.710	-	20.203.425.710
01/01/2019			
Phải trả người bán, phải trả khác	19.409.675.006	-	19.409.675.006
	19.409.675.006	-	19.409.675.006

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

29. Báo cáo bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch với bên liên quan là Công ty mẹ - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV như sau:

Giao dịch	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
	đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu	41.302.811.183	40.071.111.445
+ <i>Phân phối nước sạch</i>	41.294.890.510	39.907.755.496
+ <i>Thay, gắn đồng hồ nước</i>	-	(6.864.960)
+ <i>Tư vấn quản lý dự án</i>	7.920.673	170.220.909
Mua vật tư ngành nước	12.810.938.800	6.704.909.852

Số dư với Công ty mẹ - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Khoản mục	Phải thu/ (Phải trả) tại	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	4.262.523.472	34.957.978.762
+ <i>Phân phối nước sạch</i>	3.975.784.682	6.399.491.430
+ <i>Giảm thất thoát nước</i>	-	9.004.708.140
+ <i>Thay, gắn đồng hồ nước</i>	-	19.025.793.154
+ <i>Lắp đặt trụ cứu hỏa</i>	159.482.391	159.482.391
+ <i>Tư vấn quản lý dự án</i>	127.256.399	150.403.574
+ <i>Phí bảo vệ môi trường</i>	-	218.100.073
Phải trả ngắn hạn khác	(1.762.642.922)	-
Mua vật tư ngành nước	(16.810.938.800)	(13.241.535.600)
Người mua trả tiền trước	(2.277.853.960)	-

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
	đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
	VND	VND
Ban Giám đốc	600.754.469	824.754.027
Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát	343.834.615	214.911.723
	944.589.084	1.039.665.750

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

32. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận
phát hành vào ngày 20 tháng 07 năm 2020.



Phạm Khương Thảo
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang
Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2020

